

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ FGS VŨNG TÀU
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ FGS VŨNG TÀU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VUNG TAU FGS INVEST CORPORATION

Tên công ty viết tắt: FGS VUNG TAU CORP

2. Mã số doanh nghiệp: 3502505916

3. Ngày thành lập: 25/08/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

102 Lê Hồng Phong, Phường 4, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0979726345

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở và trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy - hải sản)	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
7.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
8.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn xăng, dầu, nhớt, mỡ và các sản phẩm liên quan. Bán buôn khí gas (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn)	4661
9.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
10.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất.	6820
11.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
12.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
13.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410

14.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ xăng, dầu, nhớt, mỡ và các sản phẩm liên quan. Bán lẻ khí gas (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn)	4730
15.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao Chi tiết: Sản xuất cọc bê tông, cử bê tông (không hoạt động tại trụ sở).	2395
16.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
17.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp (không hoạt động tại trụ sở)	2816
18.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại (không hoạt động tại trụ sở)	2822
19.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
20.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
21.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi)	5210
22.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
23.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Gửi hàng, giao nhận hàng hóa; dịch vụ vận tải đa phương thức (trừ đường hàng không); dịch vụ logistics (trừ đường hàng không); hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; dịch vụ cung ứng tàu biển; đại lý vận chuyển hàng hóa.	5229(Chính)
24.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
25.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
26.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
27.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
28.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
29.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
30.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
31.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
32.	Xây dựng nhà để ở	4101
33.	Xây dựng nhà không để ở	4102
34.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
35.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
36.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
37.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, cầu đường, thủy lợi, thủy điện. Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư.	4299

38.	Phá dỡ	4311
39.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
40.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
41.	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. Vốn điều lệ: 679.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐÀO TUẤN KIẾT	405/9 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.395.000	33.950.000.000	5,000	079078022300	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	3.395.000	33.950.000.000	5,000		

2	NGUYỄN TRẦN THÁI BÌNH	U4 Bạch Mã, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	6.790.000	67.900.000.000	10,000	079089013912
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	6.790.000	67.900.000.000	10,000	
3	BÙI CHÍ HIẾU	18/45/10-12 Vườn Chuối, Phường 04, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	54.320.000	543.200.000.000	80,000	083078018393
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	54.320.000	543.200.000.000	80,000	
4	NGUYỄN THỊ MỸ	C.07.04, Everrich2, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.395.000	33.950.000.000	5,000	049175000112
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	3.395.000	33.950.000.000	5,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 083078018393

Nơi cấp: Cục C

Nơi cấp: *Cục Cảnh Sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: 18/45/10-12 Vườn Chuối, Phường 04, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 18/45/10-12 Vườn Chuối, Phường 04, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu